

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ
TÔNG THIÊN THAI

SỐ 2069

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2069

TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ TÔNG THIÊN THAI

Sa-môn Sĩ Hành kính biên tại Vân Giang.

LỜI TỰA

Trong tông Thiên thai, có chín đời Tổ sư sinh ra ở hai xứ Ấn Độ và Trung Hoa, trước sau xuất hiện cách nhau khá xa, nên những sự cảm ứng để lại dấu vết rải rác trong các kinh truyện, nếu chẳng xem rộng thì không thể biết rõ được. Những người gom đối với công đức của Tổ sư ít lường biết về lý do, bởi vậy các bậc tiên Nho có nói rằng: Đối với tổ tiên không tốt đẹp mà ngợi khen, đó là lừa dối. Còn có tốt đẹp mà không biết tức là không sáng suốt biết mà chẳng truyền bá tức là không có lòng nhân. Với ba điều trên là sự đáng hổ thẹn của người quân tử, huống chi đối với người của giáo học ư? Tôi là kẻ hậu học ngu muội cũng muốn tránh khỏi khuyết điểm chẳng lưu truyền, nên kính cẩn sưu tầm ở các kinh sách, ghi chép đầy đủ như ở sau để tặng cho các bậc hậu hiền, ngõ hầu ngợi khen khôn cùng, làm chỗ nương cậy để tiến thân chứ không phải là thứ vô bổ.

Ngày rằm tháng chạp, đời niên hiệu Gia Định năm thứ nhất (1208) đời Nam Tống, ngụ tại hiên Trúc Phong Ngưng Thúy, kính ghi lời tựa.

1. Sơ tổ Bồ-tát Long Thọ.
2. Tổ sư Tôn giả Bắc Tề.
3. Tổ sư Tôn giả Nam Nhạc.
4. Tổ sư Đại sư Trí Giả giáo chủ núi Thiên thai.
5. Tổ sư Tôn giả Chương An.

6. Tổ sư Tôn giả Pháp Hoa.
7. Tổ sư Tôn giả Thiên Cung.
8. Tổ sư Tôn giả Tả Khê.
9. Tổ sư Tôn giả Kinh Khê.

1. SƠ TỔ BỒ TÁT LONG THỌ

Bồ-tát Long Thọ là người dòng Phạm chí, con nhà rất giàu có, người ở nước Nam Thiên Trúc. Sinh ở dưới gốc cây, do rồng mà thành đạo nên gọi ngài là Long Thọ. Tuy còn nhỏ nhưng ngài rất thông minh thấu suốt, tài học vượt trội người đời. Khi đang còn ẵmẵ, nghe các vị Phạm chí đọc tụng bốn bộ Vệ-đà, mỗi bộ có bốn mươi ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có bốn mươi hai chữ, ngài đều tụng thuộc văn kệ ấy lại lãnh hội được yếu nghĩa.

Đến năm hai mươi tuổi, tiếng tăm ngài vang khắp gần xa, riêng một mình ngài rảo bước khắp các nước. Với các tài năng nghệ thuật về thế học như thiên văn, địa lý, đồ vĩ, bí số, cho đến các thứ đạo thuật khác, ngài đều luyện cả. Ngài kết bạn với ba người khác đều là những vị tài giỏi ở đương thời.

Một hôm, ngài cùng nhau bàn với họ rằng: Các thứ nghĩa lý trong thiên hạ có thể dùng để khai thân minh ngộ u chỉ, mà chúng ta đều thấu đạt cùng tận, lại phải nên dùng các phương cách gì để tự vui? Chỉ có đuổi tìm sắc đẹp tưng tưng tình cực dục ấy há chẳng phải vui thú ư?

Nhưng thế của các Phạm chí chẳng như vương công, làm sao có được, nên phải cầu học thuật ẩn thân, thì vui thú ấy có thể có được cả bốn người nhìn nhau, tỏ vẻ đồng ý, nên đồng đến thuật gia cầu học pháp ẩn thân. Thuật sư nghĩ rằng: Bốn Phạm chí này đều là những vị nổi tiếng ở đời, xem chúng sinh chỉ như rơm cỏ, nay chỉ vì thuật ấy mà chịu khuất phục tìm đến chỗ ta, những người ấy là tài minh tuyệt thế, điều họ không biết chỉ có pháp hèn này. Nếu ta trao cho phương thức ấy thì vĩnh viễn bị mất, thà nên trao cho họ thuốc, khiến không nhận biết, khi thuốc hết thì họ sẽ trở lại chỗ ta, hoà toàn tôn kính ta là thầy. Và liền trao cho mỗi vị một viên thuốc màu xanh, đồng thời bảo rằng: Các người về ở chỗ vắng lặng dùng nước để mài thuốc này rồi bôi lên mắt, nghiệm hình sẽ tự ẩn.

Khi mài thuốc, ngài nghe có mùi thơm nên biết hết tên của loại

thuốc ấy, phân số ít nhiều, cân lượng không sai sót, ngài trở lại nhà thuật sư, trình bày đủ thuốc ấy có tất cả bảy mươi thứ hợp lại, tên chỉ lượng số đều đúng phương thức ấy.

Thuật sư kinh hãi hỏi: Làm sao ông biết thế?.

Ngài đáp: Thuốc có phần hơi sao không biết được.

Thuật sư liền thán phục, liền nói rằng: Với những người này, nghe tên còn khó, huống chi ta đây gần gũi gặp được mà lại tiếc phương thuật ấy.

Bèn đem pháp thuật ấy mà bày cho cả bốn người.

Khi đã được thuật ẩn thân, đi khắp nơi tự tại, bốn vị vào trong cung, các mỹ nữ trong cung đều bị lấn hiếp, trong vòng trăm ngày sau, có nhiều mỹ nữ mang thai, đem việc ấy tấu trình lên vua, vua chẳng vui lòng bảo rằng: Đó là điềm không tốt và liền vời các quần thần tài trí lại để hỏi nguyên do. Có một quần thần tâu vua rằng: Với việc ấy không ngoài hai thứ: Một là yêu quỷ và hai là pháp thuật. Nên dùng đất nhỏ mịn rải đặt trong các cửa, bảo người canh giữ cấm dứt người vào ra. Nếu là do về phương thuật thì dấu chân sẽ tự hiện, còn nếu do quỷ mỵ thì phải không có dấu vết, nếu người thì dùng binh lính để trừ, còn quỷ thì sẽ dùng chú để diệt. Vua bèn dùng theo kế sách ấy, chuẩn bị đầy đủ các pháp thức. Thấy có dấu chân bốn người, liền đóng các cửa ra vào, cho mấy trăm lực sĩ cầm da đánh khống giữa hư không, chém rơi đầu ba người, gần chung quanh vua cách khoảng bảy bước là nơi dao không đến, chỉ có mình ngài giấu thân lặng hơi tiếng nường tựa chỗ vua đứng, nên không bị chém. Nhân lúc đó, ngài mới tỏ ngộ đục là gốc khổ, nên sinh khởi tâm nhằm chán đục, phát nguyện muốn xuất gia, ngài thầm nghĩ: Nếu ta được thoát thì sẽ đến các vị Sa-môn xin xuất gia.

Thế rồi, được thoát khỏi, ngài vào núi đến ngôi tháp Phật v.v..., xuất gia thọ giới. Qua chín mươi ngày đọc tụng hết ba tạng, thông rành các nghĩa sâu mầu, lại tìm cầu kinh điển khác hoàn toàn không có được. Ngài bèn theo hướng đến Tuyết sơn gặp được một vị Tỳ-kheo trao truyền cho ngài giáo điển Đại thừa, ngài đọc tụng cảm thấy vui thích, tuy thấu đạt thật nghĩa mà chưa được chứng đạo, biện tài vô tận luận bàn khéo léo, nên các đệ học ngoại đạo, nghĩa sĩ Sa-môn đều kính phục cầu thỉnh ngài làm bậc thầy mẫu mực, ngài liền tự cho rằng: Ta là người đạt được Nhất thiết trí, nên sinh tâm kiêu mạn tự suy nghĩ rằng: Các pháp trong thế giới, bến bờ có vô lượng, kinh Phật tuy huyền diệu nhưng câu nghĩa chưa hết, nay ta lại phải giảng nói để khai ngộ cho người học sau, nghĩ như thế rồi, ngài liền muốn thực hành, lập thầy dạy giới, lại tạo y phục

khuyến hợp với Phật pháp, mà ít có khác nhau, muốn trừ các tình chấp, nêu bày không thọ học, lựa chọn ngày tốt bèn muốn thực hành, ngài ở tịnh thất riêng đất phòng thủy tinh.

Khi đó, Bồ-tát Đại Long thương xót ngài như thế, liền dùng thần lực, tiếp đưa ngài ra biển lớn, đến cung điện đó, mở bả hộp báu, đem các kinh điển phương đẳng sâu mầu diệu pháp vô thượng mà trao cho ngài. Ngài mở ra đọc xem suốt trong chín mươi ngày, thông hiểu rất nhiều, tâm ngài thâm nhập rõ được thật lợi, Đại Long biết tâm ngài như thế bèn hỏi: Xem kinh đã cùng khắp chưa?. Ngài đáp: Kinh của người thật nhiều vô lượng, không thể xem đọc hết được, với các kinh mà tôi đã đọc đủ gấp bội mười lần so với ở Diêm-phù-đề. Đại Long nói rằng: Trên cõi trời Đao-lợi có các kinh điển nhiều gấp bội so với nơi đây, hơn cả trăm ngàn vạn lần, các nơi có kinh điển ấy thật không thể nêu số. Ngài đã được các kinh, bỗng nhiên thông đạt, khéo thấu hiểu nhất tướng, thâm nhập Vô sinh pháp nhãn đầy đủ, Đại Long biết ngài ngộ đạo nên lại đưa ngài ra ngoài cung.

Bấy giờ, vua nước Nam Thiên Trúc sinh đại tà kiến, phụng thờ ngoại đạo, phỉ báng chánh pháp, ngài vì muốn cảm hóa vua, nên tự thân cầm cờ hiệu màu đỏ đi lại trước mặt vua, trải qua bảy năm, vua mới lấy làm lạ hỏi: Người là ai mà đi lại trước mặt ta thế?.

Ngài đáp: Ta là người Nhất thiết trí.

Vua nghe thế rồi, rất lấy làm kinh ngạc, bèn hỏi ngài rằng: Người Nhất thiết trí rất ít có, người nay tự nói như vậy, lấy gì làm tin?.

Ngài đáp: Nếu vua muốn biết thì nên thưa hỏi.

Vua liền nghĩ: Ta là trí chủ đại luận nghị sư, hỏi đó sẽ bị khuất phục, chưa đủ lấy làm lạ, nếu chẳng như thế thì đây chẳng phải việc nhỏ nên im lặng chẳng hỏi, bèn chịu đợi nghị ngờ, giây lâu cúi ngửa hỏi rằng: Ngày nay trời làm việc gì?.

Ngài đáp: Ngày nay trời đang chiến đấu với A-tu-la vua đã nghe nói thế, thì như người âm thầm đã chẳng thể nhả lại chẳng thể nuốt, muốn chẳng nói thế không lấy gì làm chứng, muốn là việc ấy thật không lấy gì làm rõ, phỏng bàn trong giây lát ngài lại hỏi rằng: Đây chẳng phải là hư luận, vua hãy đợi trong giây lát sẽ có ứng nghiệm.

Ngài nói vừa xong bỗng nhiên giữa hư không các thứ dao kiếm giáo mác lần lượt rơi xuống.

Vua bảo: Giáo mác mâu thuẫn tuy là các khí cụ chiến đấu, nhưng làm sao biết là trời và A-tu-la đánh nhau?.

Ngài đáp: Vua cho đó là lời nói hư dối, chẳng như nghiệm đó lấy

làm thật.

Ngài nói vừa xong, tai mũi của A-tu-la từ giữa hư không lại rơi xuống, lại khiến cho vua tôi v.v... cùng thấy giữa hư không hai trận đối nhau. Vua mới cúi đầu nhận chịu ngài giáo hóa, trên điện có vạn vị Bà-la-môn do đó mà xin xuất gia.

Bấy giờ, ở nước ấy mở mang Phật pháp lớn mạnh, ngài soạn luận Ưu-ba-đề-xá có hơn mười ngàn kệ tụng, luận Trang Nghiêm Phật Đạo, luận Đại Bi Phương Tiện v.v... các luận như thế mỗi bộ có năm ngàn bài kệ, giúp cho giáo nghĩa Đại thừa mở mang truyền bá hưng thịnh tại Thiên Trúc. Ngài soạn luận Vô Úy có mười vạn bài kệ, luận Trung Quán sát từ trong bộ luận Vô Úy có đến năm trăm bài kệ.

Lúc đó, có một vị Bà-la-môn giỏi về chú thuật, muốn đem tài năng của mình sánh với ngài, tranh giành thắng thua nên tâu với vua ấy rằng: Tôi có khả năng nhiếp phục Tỳ-kheo ấy.

Vua bảo: Người rất ngu si, Bồ-tát đó sáng suốt đồng như nhật nguyệt, trí tuệ ngang bằng các Thánh, nay người là thứ ngu ngốc hèn kém, làm sao có thể sánh cùng?.

Bà-la-môn ấy nói: Đại vương là người trí, nên dùng lý để xem xét, vì sao đại vương vừa thấy nghịch đã xem thường.

Nghe lời nói ấy, vua bèn thỉnh ngài, vào một buổi sáng đồng nhóm họp tại điện Chánh đức. Khi đó, vị Bà-la-môn ấy liền ở trước điện chú thuật ra chiếc hồ lớn, rộng dài trong sạch. Trong hồ mọc lên hoa sen ngàn cánh, vị Bà-la-môn ấy tự lên ngồi trên hoa, bảo với ngài rằng: Người đang ở tại chỗ đất đồng loại với súc sinh, ta ở trên hoa trí tuệ thanh tịnh, người sao dám chống lời luận nghị với ta?. Khi đó ngài cũng dùng chú thuật làm thành một con voi trắng, voi có sáu ngà đi trên hồ nước hương đến chỗ tòa hoa dùng vòi quấn lấy nhỏ đưa lên cao rồi ném xuống đất. Lúc đó, vị Bà-la-môn ấy bị tổn thương ở vai lưng, vô cùng khốn đốn, bèn liền khuất phục, quy mạng hướng về ngài thưa rằng: Do vì ngu si, con phạm nghịch với Đại sư, xin Đại sư thương xót cho phép con sám hối lỗi lầm!. Ngài bèn xót thương mà độ cho xuất gia.

Bấy giờ, lại có một vị Pháp sư Tiểu thừa, thấy ngài cao minh như thế thường có tâm tức giận ganh ghét, Sư rất biết rõ điều đó và với việc đáng làm đã làm, hóa duyên đã mãn, sắp muốn tịch diệt, do đó ngài hỏi Luận sư Tiểu thừa ấy rằng: Nay người muốn ta ở lâu trên đời này chăng?.

Luận sư đáp: Nhân giả thật chẳng mong vậy.

Khi đó ngài liền vào tĩnh thất, qua hôm sau ngài chẳng ra, các đệ

tử ngài đều nghi ngờ nên đẩy cửa vào xem, bèn thấy ngài đã thị tịch. Các nước ở Thiên Trúc đều xây tháp thờ, cúng dường các thứ, tôn kính như Phật. Dưới cây nơi thân mẫu sinh ngài, nhân tên chữ là A-chu-đà-na, A-chu-đà-na là tên của chữ Long (rồng). Vì vậy xưng hiệu ngài là Long Thọ. Nhân nhờ bột bánh thuốc tiên, ngài sống lâu ở đời hơn ba trăm năm, gánh vác Phật pháp, số người ngài đã hóa độ nhiều không thể xưng kể tính lường.

Như trong truyện Phú Pháp tạng, kinh nhập Lăng-già quyển sáu nói: Này Đại Tuệ! Ông nên biết sau khi Đức Như Lai diệt độ ở đời sau sẽ có người và pháp của ta là Tỳ-kheo đại danh đức ở nước Nam Thiên Trúc, hiệu là Long Thọ, có khả năng phá dẹp các tông hữu vô, ở trong thế gian hiển bày pháp Đại thừa vô thượng của ta, chứng đắc quả vị Sơ hoan hỷ địa, sau khi thị tịch sẽ vãng sinh về nước Cực lạc. Đó là lời từ Kim Khẩu Đức Phật huyền ký.

2. TỔ SƯ TÔN GIẢ BẮC TÊ .

Tôn giả Bắc Tê, húy là Tuệ Văn (đức hạnh chưa thấy ở bản truyện). Dưới thời vua Cao Tổ (Văn Tuyên Đế, Cao Dương 550-560) thời Bắc Tê ngài riêng bước hoằng hóa khắp xứ Giang Hoài, pháp môn của ngài chẳng phải chỗ biết của thế gian, giãi đất đội trời chẳng biết cao dày. Ngài dụng tâm mỗi việc đều y cứ theo thích luận. Thích luận do Bồ-tát Long Thọ giảng nói, y theo Phú Pháp tạng thì Bồ-tát Long Thọ là vị Tổ sư thứ mười ba được truyền thừa từ kim khẩu của Đức Thích Tôn, ngài hăng hái tiếp thừa bảm thọ lấy làm thầy. Nên Hàn Lâm Lương Tiêu nói rằng: Từ khi đức đại hùng Thế Tôn diệt độ, đường học phân phái riêng biệt, ở đời đã suy sụp, giáo pháp cũng bị lấn lướt, nên đại sĩ Long Thọ vì khổ bệnh ấy bèn dùng phương tiện lược chế các ngoại đạo, mới bao gồm cả mười hai phần loại bộ kinh mà phát minh ra tông cực. Giáo pháp truyền bá đến phương Đông, thiền sư Bắc Tê chúng ta có được, y theo văn tự mà vào pháp môn không hai, lấy đó mà truyền trao cho Nam Nhạc. Lời ấy đã hết, những người học sau tôn kính, chẳng dám gọi thẳng tên húy của ngài mà chỉ gọi là Tôn giả Bắc Tê.

3. TỔ SƯ TÔN GIẢ NAM NHẠC:

Tôn giả Nam Nhạc, húy là Tuệ Tư, họ Lý, người xứ Võ Tân. Thuở thiếu thời tâm tánh Sư rất khoan từ, trên đánh đầu có nổi nhục kế, tai có

hai vòng, ngài nhìn như voi, bước đi như trâu, tướng trạng đường vệ trang nghiêm khác với người đời. Ngài thường mộng thấy có vị tăng Ấn Độ khuyên bảo nên xuất tục, ngài giật mình tỏ ngộ điềm lành ấy, bèn già từ thân thích mà nhập đạo, kính phụng giữ gìn phạm hạnh trình thuần thanh khiết. Đến lúc thọ giới cụ túc, mỗi ngày ngài chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng thí riêng. Ngài lại nương nấu nơi sâu xa vắng lặng, dứt hết mọi sự nghinh tiếp. Ngài trì tụng các kinh Pháp Hoa v.v... chỗ ngài đến ở là một am nhỏ bị người đốt cháy, tùy theo đó liền bày rõ bệnh dịch, chí thành cầu xin sám hối, lại xây dựng am thất mới, ngài trì kinh như cũ, bệnh ấy trở lại bình phục. Ngài bèn cảm mộng có mấy trăm vị Tăng Ấn Độ hình tướng cao lớn, cầu thỉnh sư tăng, thêm tác pháp yết ma, thành tựu giới cụ túc, đến lúc thức giấc ngài mới biết là được thọ giới trong mộng.

Ngài siêng năng càng sâu, sớm tối không phế bỏ, lại cảm mộng Bồ-tát Di-lặc cùng các quyến thuộc đồng hội Long Hoa. Tâm ngài tự nghĩ: Ta ở trong thời mật pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thọ trì kinh Pháp Hoa, nên nay gặp được Đức Từ Tôn. Ngài cảm thương buồn khóc bỗng nhiên giác ngộ. Ngài lại càng tinh tấn, điềm linh ứng hiện càng nhiều, cúng dường mọi thứ nghiêm bị, như có đồng tử cõi trời theo hầu hạ giữ gìn. Nhân đọc kinh Diệu Thắng Định, tán thán công đức của thiền pháp, ngài bèn phát tâm tu định.

Bấy giờ, Thiền sư Bắc Tề (Tuệ Văn) đang nhóm chúng có đến mấy trăm, các pháp đều thanh tịnh nghiêm túc, các đạo tục đều cao thượng. Ngài bèn đến đó quy y, nương theo thọ học chánh pháp, tâm tánh ưa thích khổ tiết, chăm lo làm mọi việc của chúng tăng, cúng dường suốt mùa hạ. Năm sau, ngài buộc tâm ngồi thẳng, kết thất ý niệm ngay trước mới qua hai mươi một ngày, phát ít tỉnh quán, ngài thấy nghiệp tướng thiện ác trong một đời, ngài lại càng dũng mãnh gấp bội, bèn động cả tám góc, phát gốc Sơ thiền, thiền chướng bỗng sinh khởi cả chân tay đều rũ rượi, không thể bước đi thân chẳng theo tâm. Ngài liền tự quán sát: Nay ta bị bệnh đều từ nghiệp sinh, nghiệp lại do tâm khởi, vốn không do ngoại cảnh, trái lại thấy nguồn tâm, nghiệp chẳng khổ được, thân thể như bóng mây, cùng có một thể không. Quán như thế rồi, các tướng điên đảo trong ngài đều diệt, tâm trách thanh tịnh mọi đau khổ đều hết. Ngài lại phát tu không định, tâm cảnh đều rỗng rang, đến cuối hạ tự tử, ngài bùi ngùi không chỗ đạt, tự thương mình hôn trầm, sống một đời luống qua, lại nghĩ nhớ mà hổ thẹn, bèn buông thân mình nghiêng tựa vào vách tường, lưng chưa đến nơi, bỗng nhiên khai ngộ. Với các pháp môn Tam-muội Pháp hoa, pháp môn Đại thừa, nhất niệm

minh đạt, mười sáu pháp đặc thắng, bối xả từ từ vào, ngài tự thông đạt thấu suốt, chẳng do người khác khai ngộ, nghiên cứu tinh luyện càng lâu, các pháp quán trước càng tăng.

Tiếng tăm và đạo hạnh ngài vang xa, người bốn phương đều kính chuộng đức ngài, học chúng ngày một đông, cơ ngộ thật nhiều, ngài liền dùng các pháp định tuệ v.v... đối với Đại thừa, Tiểu thừa giảng nói dẫn dắt, dùng để nhiếp hóa chính mình và người. Chúng xen lẫn vừa tinh lẫn thô, nên mọi điều thị phi (phải quấy) thì đó sinh khởi, ganh ghét trăm độc, độc chẳng thể làm thương tổn, các dị đạo lại bày mưu, mưu không thể hại, ngài mới nhìn đến đồ chúng mà bảo rằng: Xưa kia Đức Đại Thánh khi còn tại thế cũng chẳng tránh khỏi những lời dèm pha không căn cứ, hướng chi tôi đây là kẻ vô đức làm sao tránh khỏi nợ ấy, nợ là do tạo tác từ đời trước, khi thời cơ đã đến thì phải nhận chịu, đó chỉ là việc riêng, nhưng với Phật pháp của chúng ta không bao lâu nữa cũng sẽ bị diệt. Ta phải đến phương nào để trốn lánh nạn này!. Khi đó, giữa hư không có tiếng bảo rằng: Nếu muốn tu định thì nên sinh Nam Nhạc ở Võ Đang, đó là núi Nhập Đạo!

Khoảng đầu niên hiệu Võ Bình (570) thời Bắc Tề, ngài bỏ xứ Cao Dương ấy, dẫn đồ chúng đi về hướng Nam, mới đầu vừa đến Quang Châu, gặp lúc Lương Hiếu Nguyên sụp đổ nước loạn, đường trước bị nghẽn tắt, ngài tạm dừng ở núi Đại Tô, trải qua thời gian mấy năm, mọi người về nương theo đông như chợ. Ngài thường răn dạy đồ chúng rằng: Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh chẳng xa, chỉ nên hướng tìm cầu ngay chính mình, chẳng theo tìm ở nơi khác, tìm cầu cũng không được, dấu có được cũng chẳng chân thật. Do đó, ngài đem vốn sự để cúng, dùng lý vị để dạy răn, chỉ muốn các học giả tỏ ngộ tự bản tâm họ. Do đó, ngài lấy mọi thứ phước thí của các đạo tục mà tu tạo kinh Bát-nhã và kinh Pháp Hoa đều là bản chữ vàng, lấy lưu ly làm hộp báu. Đại chúng thỉnh cầu ngài giảng hai bộ kinh ấy, liền đó ngài nêu bày huyền tự, tùy theo văn đến hết, không gì chẳng phải sâu mầu. Về sau, ngài nhờ một vị Đại sư thay thế ngài giảng kinh bản chữ vàng, đến chỗ: Nhất tâm gồm đủ cả muôn hạnh. Đại sư như có điều nghi ngờ, ngài liền bảo: Chỗ nghi ngờ của người tức là theo thứ lớp trong đại phẩm, chưa phải là diệu chỉ của Pháp Hoa viên đốn, xưa tôi nhất tâm chóng phát các pháp. Tôi đã thật sự thân chứng nên chẳng nhọc đặt để nghi nan. Đại sư ấy bèn hỏi thọ học Pháp Hoa hành pháp hai mươi một cảnh giới, và lãnh ngộ được huyền chỉ, lại hỏi về địa vị ngài đã chứng đắc có phải là Thập địa chẳng. Ngài đáp: Không phải, tôi mới chỉ là ngôi vị Thiết luân ở thập

tín. Nhưng ngài nói khiêm nhường, khó thấy được lẽ thật, bản tích chẳng rõ ràng. Về sau, ở núi Đại Tô có nạn tề hại nên đốt lửa canh phòng, đồ chúng ở núi bàng hoàng chẳng an, ngài bèn dẫn hơn bốn mươi người đi thẳng đến Nam Nhạc. Lúc đó là ngày 23 tháng 06 năm Mậu Tý (568) tức niên hiệu Quang Thái thứ hai đời Trần.

Khi đã đến đó, Sư bảo rằng: Tôi nương ở đây chỉ đủ mười năm thôi. Trước kia dưới thời Nam Lương có Sa-môn Tuệ Hải ở chùa Hành Nhạc, đến lúc thấy ngài đến, ngài Tuệ Hải vui mừng như đã quen biết từ xưa, bèn đem chùa dâng cúng, thỉnh ở đó, còn ngài Tuệ Hải dời đến ở nơi khác. Ngài lại dời đồ chúng rộng lớn, linh tích buồn lạ, nói đủ như trong biệt ký. Ngài thường nói: Đời trước tôi từng ở tại xứ này. Nhân đi đến trên đỉnh núi, chạp rãi dừng ở nơi rừng suối. Tại đó yên tĩnh, ngài như có điều nhớ lại. Bỗng chốc, ngài chỉ về phía đỉnh núi thông và bảo: Thân trước của tôi ở đây nhập định, giặc đến chém đầu tôi. Đại chúng cùng nhau đào bới quả nhiên có được hài cốt, và đúng thật là không có đầu. Nay gọi đó là đỉnh núi Nhất sinh. Ngài lại chỉ vào tảng đá và bảo: Dưới đây cũng có hài cốt đời trước của tôi. Đại chúng giật tảng đá lên để xem xét, quả nhiên có được hài cốt màu hồng trắng nối liền nhau như móc xích, tức lấy nhiều đá ở đó chất lên chôn vùi hài cốt cao lên trên đỉnh làm tháp Nhị Sinh (đời thứ hai). Ngài bồi hồi, đi thẳng lên theo hướng Đông, thấy một cửa đá sâu thẳm. Ngài bảo: Cửa sâu Linh nham này, nếu người nào đi qua sẽ tăng thêm Đạo lực. Đó là một ngôi chùa xưa, trước kia tôi cũng có nương nấu ở đây. Do đó, dùng búa đập vào chỗ kín, quả nhiên có được các thứ khí mãnh vật dụng của chúng Tăng, đường vũ tầng lớp, nền móng xây dựng bằng gạch, đất ở đó cao thoáng, đến chỗ điểm tin của Đại nhạc. Khi đó, ngài bèn dựng lập đài, vì đại chúng mà giảng nói kinh Bát-nhã. Do đó gọi là Tam Sinh tạng. Mọi sự ứng nghiệm chẳng phải chỉ một.

Những vị Thạc học đời Trần đều quy tông về ngài. Bấy giờ có dị Đạo có tâm ganh ghét, ngầm báo với Trần, vu cáo cho ngài là vị Tăng người đất Bắc ngầm nhận bằng khoán của nhà Bắc Tề nên đào bới phá dứt tim Nam Nhạc. Vua ban sắc sai sứ đến núi, thấy hai con hổ tức giận gầm gừ nên kinh sợ mà rút lui. Vài ngày sau lại đến núi mời gọi ngài. Ngài nói với kẻ sứ rằng: Tôn sứ nên đi trước, bản Đạo sẽ tiếp tục đến. Và ngài chống tích trượng đến kinh đô, cả bốn cửa thành đều thấy ngài đi vào. Các sứ trông coi cửa cùng một lúc vào tấu trình, vua rất kinh dị dẫn đến gặp ngài, sắc nhân linh ứng, mới đón ngài vào Hạ đô, dừng nghỉ tại chùa Thê uyển, không lời hỏi han gì. Trước có một con ong nhỏ

bay đến đốt vào gò má ngài. Sau đó có một con ong lớn cắn chết con ong nhỏ ấy, ngậm trước đầu ngài bay giạt lên mà đi. Sau đó không bao lâu, một người mưu dối bị chết, hai người bị chó dại cắn chết. Nên tướng ong hiện bày trước đến đó mới nghiệm biết.

Ngài đến chùa Ngõa Quang, gặp lúc trời mưa mà không bị ướt, giầy mang chẳng dính bùn dơ. Sa-môn Tăng Chánh Tuệ Hạo cùng các học đồ gặp ngài giữa đường, bảo rằng: Người Thần dị này vì sao đến đây? Cả triều đình đều chăm mắt nhìn, các Đạo tục đều dốc lòng kính ngưỡng. Đại Đô Đốc Ngô Minh Triệt rất mực kính trọng ngài, dâng cúng ngài gối bằng sừng tê giác. Biệt tướng Hạ Hầu Hiếu Oai đến chùa lễ thăm ngài, đang giữa đường im lặng nghĩ ngợi rằng: Ngô Nghi cùng đồng chung sở dâng cúng ngài chiếc gối, ta rất muốn được thấy một lần. Vừa đến chỗ ngài, sắp hàng rất chí kính, ngài bèn bảo Hiếu Oai rằng: Muốn thấy được gối bằng sừng tê giác thì nên đến đó để xem. Lại một hôm bỗng nhiên có tiếng bảo rằng: Hãy mau quét tước sân nhà, bậc Thánh sắp đến đây. Liền như lời nói ấy, bỗng chốc ngài đến, Hiếu Oai có tâm kính ngưỡng, tỏ bày với các đạo tục. Nên các giới sang hèn Tăng tục đều quy hướng về ngài. Ngài bèn trở về Nam nhạc, chẳng dám ở lại lâu. Vua dùng lễ vật đặc biệt kính dâng, tôn xưng ngài là Đại Thiên sư. Người thuyền cung cấp đưa đến bến bãi sông. Ngài bảo: Ta dừng chân ở Nam Nhạc chỉ có mười năm, đến lúc kỳ hạn đã mãn ta sẽ dời đi nơi khác. Bấy giờ, mọi người đều chẳng biết ý chí ấy.

Sau khi ngài trở về núi, mỗi năm Trần Chúa gửi thư đến thăm hỏi ngài ba lần, cúng thí các thứ rất nhiều. Ngài xây dựng hưng thịnh chẳng nơi nào hơn, và việc nói pháp lại gấp bội hơn thường. Ngài có nhiều việc thần dị khó thể lường biết. Hoặc hiện thân hình lớn nhỏ, hoặc vắng lặng hiện bày thân ẩn tàng, hoặc có mùi thơm lạ, sắc tướng đặc biệt, điềm hiện tốt lành, hiện khởi lẫn lộn.

Đến lúc sắp tịch, từ trên đỉnh núi đi xuống, có Đạo tràng giữa lưng chừng núi, ngài mới nhóm họp tất cả các học chúng, giảng pháp liên tiếp nhiều ngày. Ngài tha thiết quở trách, khiến người nghe phải chạnh lòng. Ngài bảo với đại chúng rằng: Trong đây có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu các pháp sám hối như trì kinh Pháp Hoa, Ban-chu niệm Phật Tam-muội, Phương Đẳng, thực hành các hạnh ấy. Tùy sự cần thiết, tôi xin tự cung cấp, đều cùng được lợi ích. Còn như không, thì tôi sẽ lìa nơi đây. Khốn khổ thực hành việc khó, nên không hề có người nào đáp lại. Do đó, ngài lắng cách chúng để xem xét tâm niệm, tự nhiên mạng hết. Có vị Sa-môn trẻ nhỏ tên là Linh Biện thấy ngài ngưng thờ

bền kêu gào khóc lớn. Ngài liền mở mắt bảo: Người thật là ác ma, Ta sắp đi, các Thánh cùng đến nghinh đón. Luận về chỗ thọ sinh, bởi ý gì người kinh động làm trở ngại nhiều loạn ta? Người là kẻ ngu si nên đi ra ngoài. Xong rồi, ngài lại nhiếp tâm ngồi thẳng, đến lúc hơi thở ngưng dứt. Đại chúng đều nghe có mùi thơm lạ lan tỏa khắp phòng, trên đỉnh đầu ngài nóng ấm, thân thể mềm mại, nhan sắc vẫn như lúc còn sống, ngài hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi. Lúc đó là ngày 22 tháng 6 năm Đinh Dậu (577) tức niên hiệu Thái Kiến thứ chín đời Trần. Nghiệm lời ngài nói chỉ ở mười năm rõ ràng phù hợp.

Lúc thường ngày, ngài chỉ mặc vải bố màu trắng, lúc trời lạnh thì quấn thêm cỏ ngãi. Phục chương của đồ chúng đều đồng như vậy. Nếu có biên soạn thì miệng ngài truyền giảng đã thành chương cú, không cần phải sửa đổi. Ngài soạn Tứ Thập Nhị Tự Môn, hai quyển, Vô Trách Hạnh Môn, hai quyển. Với năm bộ Thích Luận Huyền Tỳ Tự Ý, An Lạc Hạnh, Thứ Đệ Thiên Yếu, Tam Trí Quán Môn v.v... mỗi thứ một quyển, đều lưu hành ở đời.

Luật sư Đạo Tuyên ở Nam Sơn tán thán ngài rằng: Từ khi Phật pháp tại Giang Đông mở rộng lại nghĩa môn, đến như Thiên pháp khấp tràm tinh vi như thế, mà Tôn giả Nam Nhạc hăng hái nghĩ về nam phục, định tuệ khai mở cả hai. Ban ngày thì bàn giảng nghĩa lý, ban đêm thì tư duy quyết trạch, nên chỗ mở lời không gì chẳng thấu đạt cao xa. Nhân định phát tuệ, yếu chỉ ấy thật không hư dối. Thiên tông cả Nam Bắc ít chẳng tiếp nối, nhưng thân tướng ngài đỉnh đặc, có khả năng tự hành trì ưu thắng, khiến người thấy phải xoay tâm, bất chợt mà nghiêng phục. Ngài lại khéo biết tâm người, xét soi căn cơ ngấm tối, chậm rãi ở nói qua, dùng phương tiện dạy răn dẫn dụ, thực hành đại từ bi, phụng trì giới Bồ-tát. Đến như đối với các thứ lựa là, da dê phần nhiều đều do tổn hại sinh mạng mà có, nên đồ chúng của ngài ăn mặc đều dùng vải bố, trời lạnh thì thêm cỏ ngãi, áo nạp dùng lúc đi trong gió sương. Từ khi Phật pháp truyền bá đến phương Đông đã qua sáu trăm năm, chỉ có Tôn giả Nam Nhạc Hành Tư là chỗ đáng quy hướng. Tôi (Đạo Tuyên) có tham dự công việc truyền dịch, thường thấy các bản kinh Phạm, xét hỏi các pháp y họ đắp mặc, mãi đến nay hoàn toàn không dùng tơ tằm. Nếu thêm pháp thọ chẳng thể gọi là được thành. Hoặc cầu xin hoặc được tơ tằm gấm lụa làm y phục, y cứ theo luật kết khoa thì dứt bỏ định, nếu nói theo tình tham thì sau họ phóng túng. Chỉ có Tôn giả Nam nhạc riêng dứt, cao theo Thánh kiểm.

4. TỔ SƯ ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ GIÁO CHỦ NÚI THIÊN THAI

Đại sư Trí Giả, húy là Trí Khải, tên tự là Đức An. Ngài họ Trần, người xứ Dĩnh Xuyên, khoảng khi nhà Tấn dời đô, gia đình ngài đến ngụ tại huyện Hoa Cốc, Kinh châu. Ngài là con thứ hai của Tấn kỵ ịch Dương Công Khởi đời Lương. Mẹ ngài họ Từ, mộng thấy có khói hương năm màu xoay quẩn ở bụng mình, muốn phải trừ đi, bỗng nghe có tiếng nói rằng: Nhân duyên đời trước đến nương gá Vương đạo, do phước đức tự đến, vì sao lại phải bỏ đi?. Lại mộng thấy nuốt cả con chuột trắng, như thế qua mấy phen, lấy làm lạ nên đi bói xem sao. Thầy tướng bảo rằng: Điềm của Bạch long (rồng trắng), đến trong đêm sinh nở (theo bản Triều Hàn Lâm Học Sĩ Hồ mộng nói ngài sinh vào tháng bảy năm Mậu Ngọ (538) tức niên hiệu Đại Đồng thứ tư thời Nam Lương) trong căn phòng sáng suốt, vài hôm sau mới hết. Nội ngoại đều vui mừng, lớn bày đánh thốt cùng vui mừng, bỗng có hai vị Sa-môn đến gõ cửa bảo rằng: Lành thay đứa trẻ, phước đức quý trọng, sẽ đi xuất gia! Nói xong thì biến mất, tân khách đều lấy làm lạ. Có người ở gần nhớ nghĩ điềm linh xưa gọi là Vương Đạo, gồm cả tướng sau này nên lại còn tên ngài là Quang Đạo, nên trước lập hai chữ cùng ghép chung. Ngài nằm thì chấp tay, còn ngồi thì xoay mặt về hướng Tây, mãi đến lúc lớn khôn mà miệng ngài chẳng vọng ăn tạp, thấy tôn tượng thì lễ bái, gặp chư Tăng thì kính trọng.

Năm bảy tuổi, ngài vui mừng được đến một ngôi chùa, chư Tăng lấy làm ngờ lạ về tình chí của ngài, bèn truyền đọc cho ngài nghe một biển kinh Phổ môn, ban đầu mới mở qua một biển bèn được. cha mẹ thân ngài cấm tuyệt thì ngài càng đọc tụng. Đến tuổi có chí học, nhằm vào niên hiệu Thừa Thánh (552-555) dưới thời vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch) thời Nam Lương bị suy sụp, ngài bèn đi theo hướng Bắc đến Hiệp Châu nương ở nhà người cậu, mà ngài tuấn tú sáng suốt thông minh, nghi chỉ ôn hòa cung kính, ngài tìm xét các bậc minh sư. Năm mười tám tuổi, ngài đến chỗ Sa-môn Pháp Tự, chùa Quả Nguyên tại Tương châu, xin được xuất gia. Ngài Pháp Tự truyền mười giới Sa-di cho ngài. Đạo phẩm luật nghi ngài bèn vâng nhiếp. Ngài lại theo hướng Bắc đến chỗ luật sư Tuệ Khoáng xoay mặt về hướng Bắc ngang bày, được chỉ dạy đầy đủ.

Ngài lại đến chỗ Thiên sư Nam Nhạc (Tuệ Tư), núi Đại tô, ở Quang Châu, thọ học tâm quán, bèn ở tại núi đó hành trì Pháp hoa Tam-muội. Vừa mới ở được ba đêm, tụng đến phẩm Dương Vương, tâm

ngài duyên với khổ hạnh, và đến câu tinh tấn chân thật thì giải ngộ ngài bèn tự phát thấy mình cùng thầy Tuệ Tư đồng ở nơi cõi tịnh bẩy báu tại núi Linh thứu nghe Phật giảng pháp. Ngài Tuệ Tư vì ấn chứng cho điều đó. Ngài lại đến núi Bạch Sa ở Hy Châu, nhập quán như trước, đối với kinh pháp có sinh nghi ngờ, liền thấy ngài Tuệ Tư đến thăm giải thích cho. Ngài Tuệ Tư thường bảo ngài thay mình để giảng pháp, và đích thân ngài Tuệ Tư cầm chuỗi như ý đến dự xem nghe. Ngài Tuệ Tư bảo tất cả đồ chúng rằng: Với nghĩa vị của tôi chỉ tiếc Trí Giả định lực còn thiếu kém. Từ đó, thầy trò cùng nhau đổi cách quán, tiếng tăm ngài vang khắp gần xa. Khi sở học đã thành đạt, ngài bèn đến từ giả. Ngài Tuệ Tư bảo ngài rằng: Ở nước Trần ông rất có duyên, nên đến đó sẽ có nhiều ích lợi. Khi ngài Tuệ Tư đến Nam Nhạc, thì ngài cũng đến Kim Lăng v.v...

Trải qua thời gian tám năm lâu dài, giữa khoảng đó hoặc nói hoặc nín, ngài thường suy nghĩ về rừng đầm, mới mộng thấy nơi sườn núi cao muôn trùng, mặt trời vằng mây chỉ lưng chừng buông rũ bên cạnh, biển nước mênh mông không bờ trong lẳng mà xuống. Lại thấy có một vị Tăng duỗi tay kéo đến nơi sườn núi dẫn ngài cùng lên núi v.v... Ngài báo điều mộng ấy với mọi người. Môn nhân đệ tử ngài đều thưa: Đó là núi Thiên thai. Do đó, ngài cùng Sa-môn Tuệ Biện v.v... tất cả hơn hai mươi vị men đường thẳng về hướng Nam, ẩn cư nơi núi ấy. Sau đó, Hậu chúa (Trần Thúc Bảo (583-589) đời Trần ban sắc thỉnh ngài vào cung, trước sau có bảy lần sai sứ, và tự tay vua viết sớ thỉnh, ngài bèn ra thành đô. Vua nghinh đón ngài vào Đông Đường ở điện Thái Cực, thỉnh cầu ngài giảng luận Đại Trí Độ v.v... Đến lúc xứ Kim Lăng sụp đổ, ngài lại chống gậy đến Kinh châu, Tương châu, cắt đứt vết núi mây trọn yên đến hội.

Khi đó, Dương Quảng (tức vua Dương Đế 605-617 lấy niên hiệu là Đại Nghiệp đời Tùy sau này) đang trấn tại Phiên Tổng Nhậm Hoài Hải, tiếp thừa Đạo Phong, mang đức hạnh của ngài nên vô cùng khâm trọng chú ý, muốn thỉnh ngài làm thầy truyền trao giới pháp, nên nhiều lần gửi thư đến thỉnh. Mới đầu ngài tỏ bày mình là người kém đức, kể đến thì ngài khiêm nhường các bậc danh Tăng, sau cùng ngài nêu bạn đồng học qua ba phen từ chối chẳng khởi. Nên ngày 23 tháng 11 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một (591) đời Tùy, tại Tổng Quản Kim Thành ở Dương Châu, có mở hội cúng dường ngàn vị Tăng, truyền giới Bồ-tát, ngài mới trao truyền giới pháp cho vua. Khi Pháp sư đã xong, ngài muốn về lại núi rừng, vua bèn cố thỉnh, ngài bèn bảo rằng: Trước

kia đã có thể ước rõ ràng. Sự tình không nên trái. Và ngài bèn phủ áo đứng dậy, vua không dám thưa thỉnh nữa, bèn chấp tay theo đưa tiễn ngài. Ra đến cửa thành, nhìn lại, ngài bảo rằng: Trấn giữ nước nhà không phải là việc nhỏ. Việc Đạo vô cùng ngăn cách, mong quán xét Phật hóa hoằng truyền gìn giữ tại cõi nước. Vua kính lễ trông nhìn, mắt rưng rưng ngấn lệ mà trở vào.

Ngài bèn lên xứ chữ cung Hương nương ở núi Ngọc tuyền huyện Đan Dương mà dựng chùa Nhất Âm, Tấn Vương bèn thỉnh ngài soạn Giải Sở Kinh Tịnh Danh, Liễu Cố Ngôn, Từ Lăng đều là các vị tài hoa trụ xét ứng kính phụng văn nghĩa, ghi tập cất nơi Bảo Tạng, đích thân Tấn Vương tự thọ trì. Về sau, Tiêu Phi bị bệnh, các thầy thuốc đều hết phương thuật. Tấn Vương bèn sai khai phủ Liễu Cố Ngôn v.v... mang thư đến thỉnh ngài, xin ngài cứu giúp bệnh khổ. Ngài bèn dẫn đồng chúng lập ra trai hội, suốt bảy ngày hành trì sám pháp theo kinh Kim Quang Minh. Đến đêm thứ sáu bỗng nhiên có con chim sẻ lạ bay đến chỗ trai đàn xoay quanh mà chết, chốc lát sống lại bay đi. Lại nghe có tiếng mổ ăn và ngâm nga. Đại chúng đều chăm mắt nhìn. Ngài bảo: Tướng hiện ấy hẳn là Vương Phi sẽ lành bệnh. Chim chết mà sống lại tức biểu thị cái nắp quan mở ra lại, mổ ngâm kêu bày tức cho biết trai phước cùng tiếp thừa. Đến hôm sau, bệnh của Tiêu Phi quả nhiên được lành. Vua rất vui mừng. Bấy giờ gặp lúc vua phải trở về lại triều, ngài về lại núi Thiên thai.

Đích thân ngài dẫn xuất thiên môn, hành trì sám trước. Ngài bèn lập thế nguyện rằng: Nếu đối với Tam bảo mà có được lợi ích, thì kỳ hạn ở nơi này những năm còn lại. Nếu sống một đời luống qua thì nguyện mau theo hóa. Sau đó không lâu, ngài bảo với đồ chúng rằng: Tôi sẽ chết ở xứ này! Và dạy răn rằng: Các người mỗi nên tự im lặng, tôi sắp đi đây. Nói xong, ngài an nhiên ngồi thẳng nhập định mà thị tịch trước tôn tượng đá lớn ở núi Thiên thai, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc đó là ngày 24 tháng 11 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy (597) đời Tùy.

Khi ngài đang ở núi, có loại nấm nương sống ở cây mà rơi rũ xuống, hễ hái liền mọc, cúng dường chúng Tăng, nhưng lúc ngài đi đến nơi khác thì nấm không mọc nữa, do đó mà luận thì thật là đạo chiêu cảm. Sa-môn Chương An (Quán Đảnh) theo hầu kính thờ ngài nhiều năm, nên ghi chép lại hoàn cảnh và đạo hạnh của ngài dài hơn hai mươi trang giấy. Lại có Sa-môn Pháp Lâm chùa Long Điền, núi Chung Nam, sớm dự vào tông môn, gần gũi truyền trao giới pháp, vì đức âm ngài

sâu xa, nắm cây bồng chốc thành nhiều, vì làm thành truyện rộng lưu truyền ở đời. Đến gần cuối đời Tùy, vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) tuần du đến Giang Đô, cảm mộng thấy ngài nói năng đề cập đến sự phó thác, mong tự chế thuật văn bia. Vua bèn soạn rất rộng sáng, chưa kịp khắc chạm thành bia, gặp lúc tao loạn thì ngài mất. Ngoài ra các việc khác như ở Biệt truyện.

5. TỔ SƯ TÔN GIẢ CHƯƠNG AN:

Tôn giả Chương An, húy là Quán Đảnh, tên tự là Pháp Vân, họ Ngô, người xứ Nghi Hưng, Thường châu. Ở đời, ông nội ngài lánh ở đất Đông âu, do đó mà chẳng trở về. Nay đó là xứ Chương An, Lâm Hải. Cha ngài sớm qua đời, ngài được thân mẫu đùm bọc nuôi dưỡng. Vừa mới sinh nuôi ngài được ba tháng, ngài bé nhỏ muốn có được tên gọi, nhưng nghĩ xét khắp các vật loại chưa biết đặt tên ngài là gì. Mẹ ngài ban đêm xưng niệm danh hiệu Phật Pháp tạng. Ngài liền ngay miệng học theo, lời câu rõ ràng, mọi người cùng kinh lạ, báo cùng Pháp sư Tuệ Chứng ở chùa Nhiếp tĩnh. Nghe thế, ngài Tuệ Chứng khen rằng: Đây là người phi phạm, do đó lấy chữ phi phạm làm tôn tự.

Năm lên bảy tuổi, ngài trở lại làm đệ tử Pháp sư Tuệ Chứng, mỗi ngày được đưa cho văn từ, huyền nho ngài đều nhanh chóng, thanh táo tài dật vang vọng ở đương thời. Đến năm hai mươi tuổi, ngài tấn đàn thọ giới Cụ túc, kính phụng luật nghi, bình đức bát dầy càng là chỗ ngài lưu tâm nghĩ ngợi, đến lúc Pháp sư Tuệ Chứng thị tịch, ngài bèn gọi mình dưới ánh đạo Thiên Thai, tiếp thừa tập học Định cương, không thiếu sót tiếp nối.

Niên hiệu Chí Đức năm thứ nhất (583) đời Trần, ngài theo Đâu-suất Trí Giả ra ở chùa Quang Trạch, nghiên dịch Quán Môn, ngài từng được ngài Trí Giả ấn chứng. Đến lúc nhà Trần sụp đổ, ngài lại theo ngài Trí Giả lên Giang Châu. Các nơi thắng địa danh sơn, ngài đều có đến dừng nghỉ. Ba cung Lô Phụ, chín hướng hành phong, không ai chẳng vái kính vết tích nương theo nghinh đón, thưa hỏi di dật. Về sau, ngài lại đến Kinh châu, dừng ở chùa Ngọc Tuyền, truyền pháp chuyển hóa, mở mang ở Tây sở. Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một (591) đời Tùy. Tấn Vương đang trấn tại Dương Châu. Ngài lại theo hầu ngài Trí Giả đến trụ chùa Thiên chúng ở Hàn Cấu, vì pháp thượng tướng thường ngày tìm xét thuyết cầu. Bồng chốc ngài lại theo Đại sư Trí Giả đi về hướng Đông trở lại dừng ở núi Thiên thai. Về sau, ngài ra ở tỉnh

xá Xứng Tâm, khai giảng kinh Pháp Hoa. Đạp sáng lồng nền, vượt hẳn mây ấn, mới nhóm tập rảo theo, mang tráp vọt đến. Có Pháp sư Cát Tạng là vị nhập thất ở chùa Hưng Hoàng, mở bày pháp tứ tại chùa Gia Tường, riêng nổi tiếng ở cùng Chiết Đông. Nghe Đạo Pháp ưu thắng ở tinh xá Xứng tâm, trong ý chưa thật sự vừa lòng, bèn xin mượn nghĩa ký đọc xem cạn sâu mới biết, thấu hiểu tâm say đã có chỗ nương theo. Do đó bèn bỏ giảng tan chúng, dẫn bước đến núi Thiên thai bắm cầu thọ học kinh Pháp Hoa, phát nguyện mở mang giảng nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy (597) đời Tùy, ngài Trí Giả hiện tướng bệnh, ngài chăm sóc hầu hạ sớm hôm, khó khổ dốc tận tâm. Đến lúc ngài Trí Giả thị tịch, ngài gầy gũ tiếp thừa di chỉ, mới dang thư để lại cùng các tín vật buồn khóc quỳ trao đến Tấn Vương. Tấn Vương năm vóc gieo sát đất, lệ buồn tuôn đổ đưa đảnh đầu thọ nhận. Sự thể vâng theo lễ khách, tình thuần thân gồm pháp. Sau đó sai Dương Châu Tổng Quản Phủ Tư Mã Vương Hoàng đưa ngài trở về lại núi, vì ngài Trí Giả mà lập ra trai hội cúng dường ngàn vị Tăng, đặt tại chùa Quốc Thanh, tức nơi có dấu vết xưa cũ của các Sa-môn Đàm Quang, Đạo Du ở đời Tấn. Chùa Phật Lũng ở phía trước núi hiệu là Tu Thiền. Dưới đời Trần, ngài Trí Giả mới bắt đầu dựng lập, cách phía Nam Phật Lũng chừng khoảng mười dặm có chỗ đất tên là Đan Khâu, ngài Trí Giả đang kinh hành bình thản, nhìn thấy hiện bày rộng thoáng, nên ngài Trí Giả mới cắm mốc tạo nền móng, muốn xây dựng đạo tràng mà ước nguyện chưa thành, bèn di chúc tại đó. Tấn Vương bảo thợ vào cốc liên lo việc tạo dựng, đặt cửa kéo dây mỗi mỗi đều theo ý chỉ xưa cũ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ năm thứ nhất (601) đời Tùy, Tấn Vương vào nối tiếp, đi tuần khắp bốn quốc, muôn dặm đường sông, dân chúng nơi thôn dã đều vui mừng. Vì Đàn-việt mới lên ngôi vị, chùa Vũ mới thành, bèn ra núi dự tham chúc tụng, cùng được dẫn thấy, hỏi han rất nhiều, ngài đối đáp như tiếng vang, nói năng không sai thoát. Tôi chúa đều vẻ vang tán thưởng. Trước sai viên ngoại tán kỵ Thị Lang Trương Càng Oai đưa ngài về lại chùa núi, cúng thí ba ngàn đoạn vật, ba trăm tấm chăn dạ, lại lập trai hội cúng dường ngàn vị Tăng, chùa miếu điện đài lại thêm sự sửa chữa, nên trang sức các màu đỏ loạn khởi ráng sớm mai, đỉnh núi thông trúc che phủ đồng như chặn gấm. Đó thật là đáng vẻ ở phía Tây biển, xa phù hợp với lời của Đại sư. Đây đủ như ở Biệt truyện.

Niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai (602) đời Tùy, vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) ban sắc thỉnh ngài, ghi rằng: Đầu mùa Hạ

nắng nóng Đạo thể tốt lành thích nghi, thuyền duyệt giúp thần nên có nhiều tốt lành đến cùng. Gần đây, thỉnh hai Sa-môn Trang, Luận ở Đạo tràng Tuệ Nhật giảng kinh Tịnh Danh toàn dùng nghĩa sơ của ngài Trí Giả để phân tích văn kinh. Thiên sư (= Quán Đảnh) là đệ tử tài giỏi của Đại sư Trí Giả, tất cả các pháp môn đều ủy thác giao phó. Nay sai sứ đến thỉnh, hẳn mong rưới ban mưa pháp. Và Pháp Hoa kinh sơ xin được theo Sứ đưa về kinh đô, xin đứng lâu chờ đợi lai nghi, thư chẳng thể nói hết ý. Ngài liền mang y, cầm tích trượng, cao bước vào cung vua, suốt ba tháng hạ mở mang giáo hóa, xứng hợp với tâm vua vui mừng mong đợi. Mỗi lúc đến chỗ ý nghĩa sâu mâu, không gì vua chẳng hỏi, ngài đều tuy theo điều hỏi mà đáp lời, bao gồm cả chỗ sâu xa. Sau đó, vua sai thư tín đưa ngài trở về chùa núi, cúng lễ càng hậu gấp bội.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ bảy (611) đời Tùy, Trị Bình Trác Dã gần gũi thống lãnh nguyên nhung, sắp muốn rửa sạch cả một vùng Đông Di, dùng làm thanh bạch văn quý, do đó hỏi quanh mọi người, đều thuật bày đầy đủ từ Hiên Hoàng trước giết bạo mạnh nhanh của phản tuyền, sau khen hỏi Đạo của Đông Sơn. Nghĩ nhớ đến Tổ sư Tuệ tư, cảm mến đổi sắc mặt, bèn ban sắc nghinh đón ngài, xa đến hành sở. Dẫn ngài đến thấy chỗ vua ở, đem sự hoan hỷ của đồng học mà trình bày. Vua lại sai Thị lang Ngô Môn đưa ngài về lại chùa núi Thiên thai. Từ đó về sau, vua tôi dân chúng tiếp nối nhau đến phòng ngài không tháng nào trống vắng. Ngài buông tình nghĩ nhớ đến hang hốc núi đồi, dứt vết phiền lụy trong thế tục. Định Tuệ đều gồm tu, nói nín cùng hoàng hóa. Mới có các bậc danh Tăng Đại đức ở gần thành và phương xa mong cầu được trông thấy ba quán, mười Như cho đến Tâm trần sai sứ tánh đều bái tay ném mình thỉnh cầu trống pháp. Ngài đều khơi đào tình tánh rửa sạch cõi lòng như băng tuyết Ba nghiệp thưởng tăng thêm, hai nghiêm phước trí không cùng tận.

Đến ngày mồng 7 tháng tám niên hiệu Trinh Quán năm thứ sáu (632) thời Tiền Đường, ngài thị tịch trong thiền phòng chùa Quốc Thanh, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đầu hiện bị bệnh nhẹ, ngài chẳng luận thuốc thang điều trị mà nơi phòng thất có mùi thơm lạ. Đến lúc sắp tịch, ngài bảo đệ tử rằng: Trong kinh Di-lặc nói: Ngày Đức Phật vào thành, khói hương xông đốt như mây. Các ông nên đốt nhiều hương, tôi sắp đi đây. Do đó ngài tỏ bày dạy răn căn dặn, ngôn từ nghĩa lý thâm diệu tha thiết. Môn nhân đồ chúng đệ tử đồng bạn chiêm ngưỡng khóc than lạnh lòng. Bỗng nhiên ngài đứng dậy chấp tay như tỏ vẻ kính trọng, miệng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà ba lần, rồi nghiêng mình nằm xuống,

áp tay trên tim, sắc mặt sáng tươi hoan hỷ, an nhiên thị tịch, khắp thân thể đều mềm mại, trên đỉnh đầu nóng ấm qua đến ngày hôm sau.

Có Sa-môn Trí Hy là bạn đồng học với ngài, cũng là người được Đại sư Trí Giả gần gũi hóa độ, thanh tịnh trong sáng rất có tiếng tăm đã thị tịch từ niên hiệu Trinh Quán năm thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Lúc sắp thị tịch, ngài Trí Hy bảo rằng: Tôi sinh lên cõi trời Đâu-suất được thấy Đại sư Trí Giả, và các tòa báu sắp thành hàng đều có người ngồi, chỉ có một tòa trống, tôi hỏi lý do thì được bảo là Sáu năm sau, Pháp sư Chương An (= Quán Đảnh) sẽ lên đây giảng pháp. Nên xét về ý chỉ ngài (Quán Đảnh) bảo đốt hương tức là Đức Từ Tôn đến đón ngài. Tính năm bàn luận kỳ hạn, xét ra lời nói của ngài Trí Hy không xằng bậy. Qua đến ngày mồng 9 tháng đó (tức tháng tám năm 632), an táng tại núi phía Nam chùa. Mọi người xa gần đều đua nhau kéo đến gào khóc náo động cả hang rừng.

Lúc đầu, ngài hoảng hóa giữa thế tục, thần dụng có lắm phương thức, người trong thôn ở Pháp Long cách xa núi hơn ba mươi dặm, có một người mắc nạn sắp chết, mọi cách chữa trị đều không giảm, con của người bệnh ấy vội vã chạy vào núi cầu nguyện, nguyện xin cứu giúp, ngài đọc tụng kinh Pháp Hoa, cho đốt hương chiên-đàn. Người bệnh tuy ở xa, vừa mới nghe mùi hương chiên đàn thoảng xông vào mũi, tức thời thuyên giảm trở lại an vui. Lại có chỗ đất ở phía Nam đỉnh núi tên là An Châu, suối trong vắt, cây xanh biếc, bỗng nhiên dòng suối chảy xoáy, người đi qua chẳng thông đường, ngài lưu luyến ưa thích thưởng ngoạn, thấy vậy mà phát thệ nguyện rằng: Nếu đất ở đó được bằng phẳng trở lại, thì sẽ đến đó giảng kinh. Chưa đầy tuần lễ mà ở đó cát trắng ùn trào lên bằng phẳng như gương ngọc. Ngài vì cảm thông tướng hiển hiện ấy, nên chẳng trái nguyện trước, bèn sang giảng hai bộ kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh dùng để báo đáp linh ý. Ngài từng trụ chùa Nhiếp Tĩnh ở Chương an giảng kinh Niết-bàn, gặp phải hải tặc lên cướp bắt, các Đạo tục đều bỏ trốn. Ngài vừa mới gióng chuông đến giảng, không tỏ vẻ khiếp sợ. Bọn giặc cầm cờ hiệu đến chùa, bỗng thấy binh lính cờ xí sáng rực giữa ban ngày, cầm cung tên qua mắt mọi người đều cao lớn hơn một trượng dùng khí phẫn phát, nên bọn giặc đều kinh sợ đồng một lúc thoái lui biến mất.

Ngài lại ở tại chùa Phật Lụng nhân lúc rảnh rỗi giảng pháp, hướng dẫn đồ chúng, sắp đá làm tháp, cần hai tấm đá để làm cửa tháp. Có đệ tử ngài là Sa-môn Quang Anh trước đó đã dùng xe chở đến một tảng đá, mọi người đều nghi ngờ tảng đá ấy dày lớn, lại muốn tìm cầu tảng

đá khác nhọc tổn thần lực. Ngài nắm tích trượng chỉ dẫn tảng đá đã vận chuyển đến trước đó, bồng chốc đá nứt nẻ, chẻ thành hai mảnh, dày mỏng cân bằng, dùng vào làm cửa tháp, rõ ràng như hợp trước. Những điềm tướng linh ứng như thế thật có nhiều!

Từ khi ngài thọ học với ngài Trí Giả ở núi Thiên thai, lại bảm thọ Đạo hạnh Hành Nhạc, Nam Nhạc Thiên Thai, ba đời kế tiếp tông quy chẳng hai, hoặc quán hoặc giảng thường y cứ theo kinh Pháp Hoa. Ngài lại giảng các kinh Niết-bàn, Kim Quang Minh, Tịnh Danh v.v... và giảng các pháp môn Viên đốn, Chỉ quán, bốn niệm v.v... biến số chẳng thiếu ít. Vả lại, ngài Trí Giả biện tài như mây bay mưa trút, hoặc đồng như lưới trời, chợt phỏng định Anh lạc có khả năng lãnh hội, đó chỉ có một mình ngài (Quán Đảnh). Ngài ghi chép riêng về ngôn từ và ý chỉ của ngài Trí Giả, và tự chế tác nghĩa ký đều là các đề mục của tạp văn v.v... đều khắc vào phía sau văn bia.

Đệ tử ngài là Sa-môn Quang Anh là người hậu sinh tài giỏi ưu du đối với giáo nghĩa, cùng với đại chúng chùa Quốc Thanh chung ghi lại hành trạng của ngài, dựng lập văn bia ở cửa chùa. Có Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoàng Thiện ở Thường Châu soạn thuật lời văn, ngôn từ rất sáng lệ, thấy ở Biệt tập.

6. TỔ SƯ TÔN GIẢ PHÁP HOA

Tôn giả Pháp Hoa, húy là Trí Oai, họ Tương, người xứ Tấn Vân, ngài thông minh vượt thoát bụi mờ, tâm đi khắp ngoài vật. Thuở thiếu thời, ngài hầu theo thầy đến núi Luyện Đan của dòng họ Hiên Viên, nghe giáo nghĩa của Tông Thiên thai hưng thịnh, bèn mang tráp đến chùa Thạch Thành ở Ốc Châu, gần gũi Thiền sư Chương An (= Quán Đảnh) xin thọ học tâm yếu, thế rồi thấu đạt nhất Dung Đạo, hiểu rõ nhị cư Tông, Định Tuệ mới quân bình, tịch chiếu cùng một nữa. Tuy nói là tự rõ ngộ nhưng gặp ở lợi tha, bảm tánh vốn có lấm tã năng, rất dồi dào về từ tảo. Ngài soạn văn bia chùa Đào Nham và văn bia chùa Đầu Đà, khí độ cùng lại. Về sau, ngài trao truyền pháp nhãn cho Tiểu Oai (= Tuệ Oai). Mọi người thời bấy giờ truyền rằng: Ngài là hậu thân của Từ Lăng, với trí tuệ hùng tài của ngài, đoán có thể biệt được.

7. TỔ SƯ TÔN GIẢ THIÊN CUNG:

Tôn giả Thiên Cung, húy là Tuệ Oai, họ Lưu, người xứ Đông

dương. Vừa mới độ tuổi búi tóc trái đào, mà ngài đã lộ bày những sự tập hành thuở xưa, quyết mở khỏi lưới ái, đi thẳng vào không môn, chẳng ngưng trệ ở một phương, bèn dự phần Tam ích. Nghe Thiền sư Đại Oai (= Trí Oai) ở Tấn Vân hành hóa hưng thịnh thiền pháp, ngài liền tìm đến, khắc chỉ quên cả nhọc mệt. Trông thấy ngài tướng vách sâu xa, một ngày ngàn dặm, không ai chẳng suy tôn khen ngợi. Đến lúc hạnh nghiệp đã thành, mọi người thời ấy đều gọi ngài là Tiểu Oai. Nhưng ngài vui thích tĩnh lặng ở chốn núi rừng chẳng giao du can thiệp với việc của người đời, giáo hóa môn nhân chẳng thiếu kẻ tài giỏi, chỉ có một người là Tôn giả Tả Khê mà thôi. Ngài thường tu pháp Chỉ Quán, chẳng phí bỏ tác bóng, nói năng và hành động đều theo nhau, nói năng và im lặng đều xuyên suốt, rơi lạc sâu rộng, người không đức mà nổi tiếng.

8. TỔ SƯ TÔN GIẢ TẢ KHÊ:

Tôn giả Tả Khê, húy Huyền Lãng, tự là Tuệ Minh, họ Phó. Tổ tiên của ngài người quận Bồ Dương, ngài là con nối dõi của giang Hạ Thái Thú Chứng Công, khoảng thời Tào Ngụy lánh đến đất Giang Tả. Ngài là cháu đời thứ mười sáu của Đại sĩ Hấp ở đời Lương, bèn làm người Ô Thương. Mẹ ngài họ Cát, lúc mới mang thai, mộng thấy cưỡi xe dê bay giữa hư không giảm theo vết trống mà cảm thấy thân nặng. Từ đó về sau, với các vật tanh nồng máu huyết, ngài nhàm chán thấy nghe, đến lúc sinh ra cũng như giấc mộng ban đầu, sau đó tâm nhẹ nhàng, thân thể an thái, đứa trẻ (tức Huyền Lãng) chẳng khóc, tỏ vẻ mỉm cười. Đến chín tuổi, ngài xuất gia, thầy trao cho quyển kinh, mỗi ngày ngài học qua bảy trang giấy.

Ngày 19 tháng 05 nhuận niên hiệu Như Ý năm thứ nhất (692) thời Tiền Đường, Vũ Hậu (Võ Tắc Thiên) ban sắc độ người xuất gia, ghi danh ngài ở chùa Thanh Thái. Đến năm hai mươi tuổi, ngài xa tìm đến Luật sư Ngạn ở Quang Châu, cầu thọ giới Cụ túc, ngài trở lại học Luật phạm, lại rộng xem các kinh luận, sưu tìm những điểm đồng khác. Ngài rất thiết tha với kinh Niết-bàn, thường tiếc rằng người xưa tuy có chương sớ, nhưng phán đoán chưa được cân xứng, ngài liền đến chùa Diệu Hỷ ở Cối Kê, cùng với Thiền sư Ấn Tông bàn luận suy xét bí yếu, tuy cùng nhau thuật bày. Đại chỉ chưa được chu tất. Nghe giáo nghĩa của một Tông Thiên thai có thể làm lắng trong mọi thứ dính mắc, đáng lấy làm thú hưởng nhất lý, do đó ngài đến chỗ Pháp sư Tiểu Oai (= Tuệ Oai) ở chùa Thiên cung, Đông dương, dốc hết tâm lực của mình để

nướng tửa gân gũ, chẳng khốn khó bởi nghèo khổ, bèn thấu đạt được yếu chỉ của các pháp môn Pháp Hoa, Tịnh Danh đại luận, Chỉ Quán, Thiền môn v.v... phàm giáo tích của Tông Thiên thai, ngài nghiên tầm xem xét đến tinh tường. Về sau, ngài lại nướng tửa Thiền sư Cung, trở lại tu Quán Pháp, rộng thấu đạt sách nho kiêm rành rẽ Đạo tông, không thứ gì ngài chẳng xem đọc. Tuy thông rành các pháp, mà ngài chỉ lấy pháp Chỉ Quán làm hành trình nhập Đạo, làm địa vực An Tâm. Tuy chúng Thánh tiếp liền ý tưởng, mà ngài dùng bi trí của Bồ-tát Quán Thế Âm làm bến bờ tốt lành để hành sự. Đặt tâm đi khắp mười thừa, xét rõ thâm ba Quán. Bốn Tất-đàn lợi vật, sáu tức thể biến, dù đặt để tâm ngoài vật, thân nhàm chán trong vòng người đời, mà tình ngài vất bỏ lều tranh xưa, chỉ ý muốn nướng nấu nơi rừng chằm hang hốc, chỉ lưu giữ mười tám vật hoặc mười hai vật thuộc hạnh Đầu-đà, ngài ẩn cư tại đỉnh núi Tả Khê, do lấy đó mà xưng hiệu.

Ngài ở riêng trong một phòng thất hơn ba mươi năm, dùng sợi gai làm áo, lấy gạo thô rau lá để no lòng, ngài có chí nguyện muốn sinh lên cõi trời Đâu-suất, nên tu tạo phước sự, trên tường vách cung điện, đắp họa tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Tân Đầu Lô, ngài đốt hương xem xét tâm niệm, bèn cảm ánh sáng thần năm sắc. Các đạo tục đều nhìn thấy, đồng ngợi khen là điều chưa từng có. Từ đó về sau, hoặc khi vượn đến bưng bát, hoặc chim bay đến dừng nghỉ mà nghe kinh. Bấy giờ, có một con chó bị mù đến cửa núi gào rống mà lăn lóc ra đất. Ngài thương xót, đốt hương, tinh thành vì chó mà sám hối, chưa đến mười ngày mà hai mắt chó bỗng nhiên tỏ sáng.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ mười sáu (718) thời Tiền Đường, vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) ban sắc sai sứ Vương Chỉ Dung đến thỉnh ngài xuống núi tạm ra ở dưới thành. Ngài lấy cơ bệnh mà chối từ, xin trở về lại chỗ ở cũ. Sau đó, ngài dạy người chẳng tỏ vẻ mỗi một, giảng pháp chẳng đợi chúng đông, một pháp y Uất-đa-la-tăng (y bảy điều), ngài đắp mặc hơn bốn mươi năm, một tọa cụ Ni Sư Đàn, ngài sử dụng trọn đời không thay đổi, ăn không nếm trọn mùi vị, sống thì ở riêng một phòng, không phải nhân tìm xét kinh điển thì ngài chẳng đốt một ánh đèn, không phải nhân kính hầu Thánh Dung thì ngài chẳng đi một bước. Ngài gìn giữ tế hạnh tu tâm mỗi việc đều y theo luật pháp chế định. Bèn được các vị Sa-môn ở thành xa, những vị Lão túc ở gần vùng بیت phòng đầy cửa, như đông lạnh gặp được ánh dương, như hạ nóng có được bóng râm, không mời mà tự đến. Chùa viện nơi ngài ở xuống cấp, ngài mới chỉ định cho Sa-môn Linh Bẩm, xây dựng Điện Vũ. Với hai tôn tượng

xưa và việc vẽ họa tháp gạch chẳng dùng đến xe trâu đều hòa nhựa nước thơm để sử dụng. Đánh giá của Thiên Thai hưng thịnh, không gì chẳng do đây. Tâm ngài chẳng lìa định, miệng ngài chẳng hề nếm mùi vị thuốc. Đến lúc tuổi tác đã già mà hình đồng như tráng niên.

Một hôm, ngài nhìn lại và bảo môn nhân: Tôi đối với mọi việc v.v... sớm tối quanh năm, sáu tức đạo viên, muôn hạnh vô đức, giới làm gốc tâm, là thầy của các ông!. Đến ngày 19 tháng 9 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười ba (754) thời Tiền Đường, ngài bệnh nhẹ mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi tuổi, sáu mươi mốt hạ lạc, bốn chúng đệ tử đều khóc thương kính mến, có mùi hương cây, phước lọng, sấm sét chấn động cả núi hang. Có người trong làng cảm mộng thấy ngài ở nơi tầng thứ tư của gác báu. Đến lúc tỉnh mộng, Sư báo với những người ở gần, đều cùng nhau hợp mộng. Cung trời Đâu-suất là tầng trời thứ tư. Chỗ đến của nguyện lực rộng độ cả người trời. Khi đã trà-tỳ xong, môn phân chia nửa xá-lợi, để xây dựng bảo tháp ở đông nguyên thuộc châu ấy để tỏ bày tâm kính mến.

Thuở bình sinh, ngài có soạn Pháp Hoa Kinh Khoa Văn, hai quyển. Và các đệ tử được phú pháp như Sa-môn Đạo Tân chùa Long Khâu, Cù Châu. Sa-môn Tuệ Tùng, chùa Tịnh an. Sa-môn Pháp Nguyên, Thần Ung chùa Pháp Hoa, Việt Châu, Sa-môn Thủ Châu chùa Phước Nghiệp, Thường Châu, Sa-môn Đạo Tuân chùa Báo Ân, Tô Châu, Sa-môn Đạo Nguyên chùa Đại Bảo, Minh Châu, Sa-môn Thanh Biện chùa Khai Nguyên, Vụ Châu.

Từ thuở nhỏ, ngài đã kính mến đạo, chí ý muốn tìm thầy, chẳng hơn ba năm mà tư duy quá một nửa. Ngài hành trì Đạo ấy, xưng hiệu là Tả Khê, theo thứ lớp truyền pháp thì gọi ngài là Tổ sư thứ tám trong Thiên Thai. Sa-môn Thần Huýnh ở Võ Sơn ghi lại chân tán của ngài.

9. TỔ SƯ TÔN GIẢ KINH KHÊ :

Tôn giả Kinh Khê, húy là Trạm Nhiên, họ Thích. Tổ tiên ngài nhiều đời ở Kinh Khê thuộc Tấn Lăng, nên ngài là người xứ thường Châu. Gia đình theo Nho nghiệp, riêng ngài có chí muốn thoát tục mới độ tuổi thay răng mà ngài khác với người thường.

Năm ngoài hai mươi tuổi, ngài mới thọ học kinh với Tôn giả Tả Khê (Huyền Lăng). Ngài Tả Khê rất kính lạ về ngài. Ngày khác, ngài Tả Khê lại hỏi ngài rằng: Người mộng gì vậy?.

Ngài đáp: Đêm trước mộng thấy đắp mặc pháp phục của chư

Tăng, hai bên có hai bánh xe đi trong sông lớn.

Ngài Tả Khê bảo: Ôi! Người sẽ vận dụng hai pháp chỉ và quán để cứu độ chúng sinh nơi vực sâu sinh tử.

Bền truyền trao cho ngài pháp của thầy mình (= Tuệ Oai) hoàng truyền. Ngài có được đức lớn bất động thuần túy, thần sắc bén sáng vượt. Kín biết hạnh sâu, xung khí tuệ dụng, chỉ khoảng tác vuông, hợp với trời nhỏ. Đến đó mới dùng sử sĩ truyền Đạo, những người học vui theo, như nước các dòng đều đổ về sông lớn.

Trong khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời Tiền Đường, ngài giải hiểu gặp giúp mà lên Tăng tịch, bền đến chỗ pháp tập của Luật sư Đàm Nhất ở Việt châu, rộng tìm luật pháp trì phạm khai chế. Ngài lại đến chùa Khai Nguyên ở Ngô Quận giảng nói hành trì pháp Chỉ Quán. Không lâu, ngài Tả Khê bỏ thay Mật tạng, riêng chuyển vận ở Đông nam. Ngài bảo môn nhân rằng: Đạo thật khó thực hành, tôi đây biết vậy. Các bậc chí nhân xưa trước lắng dùng pháp Quán làm gốc, động dùng ứng với vật, cả hai đều chẳng trụ mới đến được phương lớn. Còn người đời nay, hoặc man mác nơi không, hoặc dính chặt nơi hữu, tự mình mắc bệnh lại gây bệnh lây sang người. Đạo dụng chẳng bày, sắp muốn lấy chánh, bỏ ta thì ai trở về?. Khi đó, ngài bền mở lớn thượng pháp, bên cạnh bày lưới muôn hạnh, nhiếp hết các tướng, vào nơi không ngăn cách, tức ngay văn tự để thấu đạt Quán, dẫn nói nín để về lại nguồn, mới rộng chương cú của Tổ sư hoàng truyền. Mười số muôn lời, tâm đạt các Thiên, thân không vượt qua khuôn phép, ba học đều rứt rờ, các mối nghi đều tan vỡ. Tìm cầu châu ngọc hỏi loại của hình bóng, hơi thấy công không ảnh tượng. Sự hưng thịnh hành trì pháp Chỉ Quán, bắt đầu từ năng lực của ngài.

Đến cuối niên hiệu Thiên Bảo (756) cho đến đầu niên hiệu Đại Lịch (766) thời Tiền Đường, các vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) Túc Tông (Lý hanh 756-763) và Đại Tông (Lý dự 763-780) ban chiếu thư liên tiếp thỉnh mời, mà ngài lấy cố bệnh từ chối chẳng đến. Đang trong lúc chiến tranh thường thì đói kém, ngài dốc sức truyền bá dòng pháp, thì học chúng càng đông, trông mong nơi Đường thất lấy làm nơi nương tựa, ngài ban rải tâm từ dẫn dắt họ giữ gìn họ, dùng vải bố thô lớn làm áo mặc, mỗi người ở riêng một giường. Ngài lấy tự thân mà răn dạy người, đến lúc tuổi già vẫn không ngưng nghỉ.

Đến ngày mồng năm tháng hai niên hiệu Kiến Trung năm thứ ba (782) thời Tiền Đường, ngài thị hiện bị bệnh nơi Đạo tràng Phật Lũng, nhìn lại học chúng mà bảo rằng: Đạo không phương, tánh chẳng thể,

vậy sinh hay là tử? Ý chỉ nhất quán, tôi rủ bỏ di cốt ở núi này, thọ báo hết ngay đêm nay, muốn cùng các ông đàm Đạo mà quyết biệt. Nhất niệm vô tướng, gọi đó là không, không pháp gì chẳng có gọi là giả, chẳng phải một chẳng phải khác gọi là trung. Ở phàm thì làm ba nhân, ở Thánh thì làm ba đức, đốt nóng thì trước sau đồng tướng, trải qua biển thì cạn sâu khác dòng, khéo lợi, lợi người ở đây mà thôi. Các ông giữ chí ấy vậy!. Nói xong, ngài bèn ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, ba mươi bốn hạ lạc. Môn nhân gào khóc nghẹn ngào, đón rước toàn thân ngài để xây dựng bảo tháp ở góc Tây Nam của bảo tháp thờ Đại sư Trí Giả.

Ngài có đệ tử Nhập Thất là Ngô môn Nguyên Hạo đáng gọi là kẻ người ấy, gần nhà ấy, nhưng ngày thường, ngài gồm tập giáo pháp, vạch sáng nghi trước, mở phát ngưng trệ sau thì có các bộ như Pháp Hoa Thích Tiêm, Pháp Hoa Sơ Ký, mỗi bộ mười quyển, Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết mười quyển, Pháp Hoa Tam-muội Bồ Trợ Nghi một quyển, Phương Đẳng Sâm Bồ Quyết Nghi hai quyển, Lược Duy Ma Sơ mười quyển, Duy Ma Sơ Ký ba quyển, Trùng Trị Định Niết-bàn Sơ mười lăm quyển, Luận Kim Ty một quyển, và các bộ Chỉ Quán Nghĩa Lộ, Chỉ Quán Đại Ý, Văn Cú Thập Diệu, Bất Nhị Môn v.v... hưng thịnh lưu hành ở thế gian. Khi thuật, ba bộ ký đã hoàn thành, ngài đích thân viết thư gửi đến Đại Tạng chùa Khai Nguyên ở Cô Tô, nói khắc bia đá nhỏ, đến nay hiện vẫn còn, và cũng ghi chép vào đây ngõ hầu thấy được tâm từ bi làm người! Nơi văn bia ấy ghi rằng:

Đầu niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười sáu (728) thời Tiên Đường, tôi rảo bước đến Chiết Đông, tìm thầy hỏi Đạo. Đến niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi (732) thời Tiên Đường, ở tại Kim Hoa, Đông Dương, gặp được Hòa thượng Phương Nham chỉ bày cho giáo môn Thiên Thai, và truyền trao cho các bản Chỉ Quán v.v.... Rồi tôi bèn cầu học với Đại sư Tả Khê. Nhờ được đem Đại chỉ mà dạy răn, tử chỉ nhận biết mê mờ, tất cả mọi sự thấy nghe đều ghi chép bằng giấy mực. Đến niên hiệu Chí Đức (756-758) thời Tiên Đường, dời đến thuộc ở chùa này. Rồi từ niên hiệu Càn Nguyên (758-760) thời tiên Đường trở lại, sắp xếp thành quyển trục, bởi muốn tự ngăn ngừa sự mê mờ sai lầm, mà các Đạo lưu ở bốn phương tình cờ lại truyền chép, nay tự cảm thấy thân mình suy yếu bệnh tật, đến nỗi không thể đảm nhận. Do đó, lưu lại bản này cùng với Huyền ký và Sơ ký, tất cả có ba mươi quyển để gửi vào Tạng đó. Hoặc giả đối với di căn của Tiên Sư, bia bổ trong muôn một, thì chẳng phụ sự chí thành từ trước trở lại, mong đại chúng cùng giữ gìn

để hiến tặng cho người học sau.

Tháng bảy niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười hai (777) thời Tiền Đường, Sa-môn Trạm Nhiên kính ghi.

Ngài Tấn Minh nói rằng: Thấy rõ ngài (Trạm Nhiên) bắt đầu, từ niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời Tiền Đường và cuối cùng là vào niên hiệu Kiến Trung (780-784) thời Tiền Đường, ngài dùng tâm tự chứng, nói pháp chưa từng nghe. Trong kinh há chẳng nói như thế ư? Thế nào chỉ trong thời gian ngắn mà làm được Phật sự lớn? Thầy ta thật có được. Nên triều đạt được Đạo ấy, chỉ có Lương Tiểu học sĩ, nên buông bút hồng thành văn từ tuyệt diệu. Ở đề mục ấy nói rằng: Từng thứ luận bàn, bậc Thánh chẳng dậy khởi, khoảng thời gian ấy sẽ có bậc mạng thế xuất hiện. Kể từ khi Đại sư Trí Giả (Trí Khải) đem pháp trao truyền cho Tôn giả Chương An (Quán Đảnh). Ngài Chương An trở lại nơi đời, đến chỗ Tôn giả Tả Khê (Huyền Lăng), tuy sáng tỏ Đạo mà như mờ tối, đợi chờ ngài phát khởi, cưỡi xe báu ấy, đốt sáng trung Hưng, nên thọ nghiệp thần thông có đến ba mươi chín vị Tăng. Các bậc quan lại tiên sinh địa vị cao thanh danh quý trọng đều chịu rập mình tiếp thừa giáo pháp lại có mười người. Ngài nghiêm trì Đạo tôn quý, xa gần đều quy kết đức nhân. Nếu chẳng phải mạng thế mà sinh, thì sao đạt đến như vậy? Xem xét luận của Lương học sĩ, vì bàn tài hợp ngang. Nếu chẳng phải là người này thì làm sao có thể đến Hồng Nho? Nếu chẳng phải bút ấy thì làm sao có thể được đề minh châm là Triết Tượng? Bởi suốt thông vào cửa nhà thấy sự phú quý của Tông miếu. Do đó, nghiên cứu luận bàn. Ôi! Bọn chúng ta thường có Đạo chẳng biết thầy. Nên có lời thơ rằng: Chỉ chim thước có ổ, chỉ chim cưu ở đó. Lương Công vào sâu hang lý của Phật nghĩa là vậy ư? Có Sa-môn Thần Ung ở núi Pháp Hoa soạn thuật chân tán. Đến niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời bắc Tống, có Ngô Việt Quốc Vương họ Tiền Truy niệm kính trọng mà viếng. Xưng hiệu ngài là Tôn giả Viên Thông, có thể chẳng như vậy ư?.

Phụ thêm, ngài Hạnh Nhất nói rằng: Bồ-tát Long Thọ được rồng, tiếp rước vào cung, trọn một mùa Hạ chỉ đọc tụng được hết đề mục của kinh Phật. Huyền Chú nói rằng: Lớn không thể nghĩ bàn, kinh có ba bản, có mười vạn kệ tụng, bốn mươi tám phẩm, Bồ-tát Long Thọ tụng ra truyền bá ở đời.

TRUYỆN CHÍNH VỊ TỔ SƯ CỦA TÔNG THIÊN THAI
(Trọn bộ)

Truyện trên, môn sinh (Duy Xuân) người Thiên Trúc ở trong núi y suất, cùng các bạn đồng học khắc bản. (Chí Chuyên) Tề mộc kính ghi để lưu thông rộng ở đời, cùng mong cầu Phật Tuệ.

Ngày mồng một tháng 06 năm Tân Mùi (1211) thuộc niên hiệu Gia Định thời Nam Tống, kính cẩn nhận biết, ở núi Mã Nảo. (Có phụ thêm truyện ở sau).

HÀNH TÍCH CỦA HÒA THƯỢNG ĐẠO THÚY

(Còn gọi là Hành Nghiệp ký của Hòa thượng Đạo Thúy)

Thời Tiền Đường, Sa-môn Càn thực ở núi Thiên thai ghi chép.

Hòa thượng họ Vương, con cháu ở Lang Da, quê hương ở Tây Kinh, mặc áo thêu tiếp nối đời chẳng thể đứt, gá thân mới trao cho chức quán sát ngự sử, ngài bèn mở bỏ dây thào giả từ vinh hạnh, theo thầy học Đạo.

Năm hai mươi bốn tuổi, ngài mới Tấn Đàn thọ giới Cụ túc, đến đất Tần học giới, khi đã thấu đạt Trì Phạm, ngài mới nghĩ suy tìm học kinh giáo Đại thừa (nguyên bản không có chữ Học. Do Sa-môn Nhân Khái ở Long Thành y cứ theo Nội chứng huyết mạch Phổ mà sửa), bèn chép bộ Pháp Hoa Sớ của Tổ sư Từ Ân. Đêm đó, ngài mộng thấy có một vị Tăng bảo rằng: Sao chẳng theo tông chỉ viên đôn của Thiên Thai?. Đến sáng sớm, ngài mới tỏ bày điềm mộng ấy với mọi người. Mọi người bảo ngài rằng: Đã có mộng, há không có chứng cứ ấy ư?. Nhân Xà-lê Trạm Nhiên chùa Diệu Lạc, Thường Châu lúc bấy giờ đang hưng thành truyền bá giáo nghĩa đó. Ngài tuy nghe lời đó mà chưa biết đích thực, sau có tin đưa đến, mới biết là không dối bày. Ngài bèn bỏ công việc đang ghi chép, chống tích tượng theo hướng Nam mà đi đến Dương châu, muốn dừng ở chùa Pháp Vân. Trong khoảng mười ngày, ngài lại mộng thấy có một vị Tăng bảo rằng: Tại chùa Diệu Quả đang giảng kinh Pháp Hoa, sắp đến phẩm Phương Tiện, nay hãy nhanh chóng đến đó. Ngài bèn vội tìm đến, quả nhiên đúng như trong mộng. Ngài tập học hành trì suốt năm năm, không hề có việc gì khác. Đốt đuốc tiếp đến sáng ngày, nghiệp học đã thành tựu, ngài mới giả từ thầy riêng bước. Ngài Trạm Nhiên bảo rằng: Tùy phương mà ở, tùy phần mà truyền bá, giả sử tự tu hành cũng là lợi ích.

Ngài bèn đến Dương phủ, có người thỉnh ngài giảng kinh Pháp

Hoa, Chỉ Quán Huyền Văn, mỗi bộ được vài biển. Sau đó, ngài đến núi Thiên thai, giữa đường vừa đến Việt Châu, thấy Ngự Sử Đoan Công, sau dẹp trừ Thứ sử Hấp Châu, Lục Tham Bái, tôn xưng ngài là Hòa thượng (bản xét chữ Lục sợ thừa). Sau đó, đến niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ mười hai (796) thời Tiền Đường, ngài vào núi Thiên thai. Ở tại núi chín năm, ngài thường giảng kinh Pháp Hoa, Chỉ Quán Huyền Văn v.v... không hề thiếu sót, mỗi ngày sáu thời hành đạo. Với một bộ kinh Pháp Hoa và giới bản Đại thừa Tiểu thừa thường mỗi ngày ngài tụng đọc một biển, chưa từng khuyết thiếu. Đến niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ hai mươi (804) thời Tiền Đường, Thứ sử Thái Châu thỉnh ngài xuống chùa Long Hưng, giảng kinh Pháp Hoa, Chỉ Quán.

Đến tháng mười hai năm ấy, vì dính mắc giáo môn của bản quốc hiện thời, nên ngài tạm ngưng nghỉ. Kế nữa, vì Càn Thực tội nương theo Hòa thượng mới được mười năm, nên mọi việc từ trước đều chẳng biết đủ, chỉ ghi lại tóm lược mà thôi!

